

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-10-2018

“*V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Mỹ Hạnh

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long– Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mỹ X; Sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp B, xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lê Xuân Ph; Sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp B, xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2018 và bản tự khai ngày 14/8/2018 nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ X trình bày: Vào năm 2013 do quen biết, tìm hiểu nhau trước nên chị và anh Ph xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/12/2013; Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên mẹ chị vì anh Ph không có cha mẹ ở đây, thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau, đồng thời do anh Ph hay cờ bạc không quan tâm đến vợ con, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh Ph không sửa đổi nên chị xét thấy sống chung không có hạnh phúc và đã làm đơn xin ly hôn với anh Ph nhưng anh Ph năn nỉ nên chị đã rút đơn lại, sau khi rút đơn anh Ph vẫn không thay đổi nên chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn

tiếp, khi được biết chị làm đơn khởi kiện tiếp thì anh Ph bỏ mẹ con chị đi cho đến nay, anh Ph có điện thoại về hỏi thăm con nhưng không có yêu cầu được đoàn tụ. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Ph nữa, sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Con chung Lê Hải M; sinh ngày 19/7/2014 chị yêu cầu được nhận nuôi con, không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Xuân Ph vắng mặt nên không có lời khai. Nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngày 18/9/2018 Thẩm phán có tiếp xúc ông Nguyễn Thanh Sơn, Trưởng Ban nhân dân ấp B, xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, nơi anh Ph cư trú, được ông Sơn xác nhận sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án, Ông có điện thoại cho anh Ph biết vì anh Ph không có ở địa phương và cha mẹ của anh Ph cũng không có ở địa phương, nên ông không trực tiếp giao văn bản tố tụng cho anh Ph được, chỉ liên lạc qua điện thoại và Ông có nói anh Ph về đề giải quyết việc gia đình nhưng anh Ph đang làm thuê ở Đà Lạt không về được và anh Ph cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị X, về phần con chung, tài sản và nợ chung theo như chị X trình bày và yêu cầu anh không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không tuân thủ theo quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Mỹ X được ly hôn với anh Lê Xuân Ph; về con chung: Lê Hải M; sinh ngày 19/7/2014 giao cho chị X nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị X tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, buộc chị X phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, xác m thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 191 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự và triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm vào ngày 03/10/2018 và ngày 19/10/2018. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện theo Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân. Đối với nguyên đơn thì có mặt tham gia kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn thì vắng mặt và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở xét xử vắng mặt chị Võ Thị Mỹ X và anh Lê Xuân Ph.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ X về hôn nhân. Qua tài liệu chứng cứ cùng với lời khai của đương sự đã cho thấy hôn nhân của chị Võ Thị Mỹ X và anh Lê Xuân Ph là hợp pháp, thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số 133, quyền số 01/2013, đăng ký ngày 24/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Theo chị X trình bày sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với Mẹ chị, do cha mẹ chồng không còn ở địa phương, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau và do anh Ph không quan tâm đến vợ con, thường hay cờ bạc, không lo làm ăn, chị đã nhiều lần khuyên nhưng anh Ph vẫn không thay đổi nên trước đây chị đã làm đơn xin ly hôn với anh Ph, được anh Ph năn nỉ nên chị rút đơn lại, sau khi rút đơn lại anh Ph vẫn tiếp tục không thay đổi, vì vậy chị không thể sống chung với anh Ph được nên tiếp tục làm đơn xin ly hôn với anh Ph, khi biết được chị tiếp tục xin ly hôn thì anh Ph bỏ địa phương đi cho đến nay, mặc dù được ông Nguyễn Thanh Sơn, Trưởng Ban nhân dân ấp B, xã An Quảng H, huyện T, tỉnh Trà Vinh điện thoại cho biết nhưng anh Ph vẫn không về, không có liên hệ để xin đoàn tụ với chị X, nay chị X nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Ph. Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày chị X yêu cầu ly hôn, anh Ph không phản đối, không yêu cầu đoàn tụ. Từ đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mỹ X được ly hôn với anh Lê Xuân Ph.

[4] Về con chung: Lê Hải M; sinh ngày 19/7/2014 giao cho chị X nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị X tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, chị Võ Thị Mỹ X khai không có, anh Lê Xuân Ph cũng không có văn bản phản đối, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ X phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và các Điều 271, 273, 277, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ X.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Mỹ X được ly hôn với anh Lê Xuân Ph

-Về con chung: Giao cháu Lê Hải M; sinh ngày 19/7/2014 cho chị X nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị X tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ X phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013966 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh, chị X không phải nộp tiếp.

-Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị Mỹ X và anh Lê Xuân Ph vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Ph Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu HSA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài Thanh